

Bản án số: 249/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thắng

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 500/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018, về “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Chí N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo biên bản hòa giải ngày 09/11/2018 thể hiện:

Chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau năm 1996 trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình nuôi dạy, định hướng tương lai của con dẫn đến thường xuyên cự cãi. Chị T yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có một con chung tên Phạm Vũ N, sinh năm 1997. Hiện tại con chung đã trưởng thành, nếu con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 11.484m² tọa lạc tại ấp NB, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau, do anh Phạm Chí N đứng tên quyền sử dụng đất; 01 căn nhà cơ bản cất trên phần đất nêu trên; số tài sản nêu trên do chị T và anh N cùng quản lý, tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu phân chia số tài sản trên cho chị hưởng ½. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải chị T xác định rút lại phần phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết và đồng ý nhận hỗ trợ từ anh N số tiền 350.000.000 đồng, việc thỏa thuận nhận hỗ trợ nêu trên chị và anh N sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T xác định việc rút lại yêu cầu phân chia tài sản là chị T tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Chí N trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, việc anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện và không có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi. Anh N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T.

Về con chung: Chị Tr và anh N có một con chung tên Phạm Vũ N, sinh năm 1997. Hiện tại con chung đã trưởng thành, nếu con sống với ai thì người đó lo cho con không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản:

Tài sản chung của anh chị có một căn nhà cơ bản xây dựng năm 2009, giá trị lúc xây dựng chỉ có 40.000.000 đồng, giá trị hiện tại khoảng 20.000.000 đồng, không đặt ra phân chia nhà. Ngoài ra còn có số tiền khoảng 200.000.000 đồng của vợ chồng cho bên ngoài vay giao cho chị T hưởng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng: Đối với diện tích đất 11.484m² do anh Phạm Chí N đứng tên quyền sử dụng đất, đất này do cha anh N cho riêng anh N nên là tài sản riêng. Anh không đồng ý phân chia phần đất này nhưng đồng ý hỗ trợ cho chị Tr 350.000.000 đồng.

Anh N xác định số tiền hỗ trợ 350.000.000 đồng anh và chị T sẽ tự thỏa thuận giao nhận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh N xác định không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T và anh N có đơn xin từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh chị là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau năm 1996 trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T với anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có một con chung tên Phạm Vũ N, sinh năm 1997. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản: Tại phiên hòa giải, chị T rút yêu cầu phân chia phần đất tọa lạc ấp NB, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau diện tích 11.484m² do anh Phạm Chí N đứng tên quyền sử dụng đất và một căn nhà nằm trên phần đất này. Xét thấy, việc chị T rút yêu cầu phân chia tài sản trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[5] Về nợ: Chị T và anh N xác định anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị T và anh Phạm Chí N là vợ chồng.

2. Về tài sản: Đình chỉ đối với yêu cầu phân chia một căn nhà và phần đất tọa lạc ấp NB, xã TP, huyện DD, tỉnh Cà Mau diện tích 11.484m² do anh Phạm Chí N đứng tên quyền sử dụng đất.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ngày 18 tháng 10 năm 2018 chị T đã nộp tạm ứng án

phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010462 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T không phải chịu, ngày 18 tháng 10 năm 2018 chị Trang đã nộp tạm ứng án phí số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0010461 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Chị Phan Thị T và anh Phạm Chí N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Kết

Trương Minh Thắng

Đặng Quốc Trọng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Trần Phán, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Trường Nguyễn Văn Hiến Đặng Quốc Trạng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quốc Trọng